

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Thuận

Ông Lê Minh Thư

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị Bé H**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 2, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 1, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 17/02/2022 nguyên đơn Ngô Thị Bé H trình bày:

Vào năm 2016 chị và anh Huỳnh Văn C qua quen biết, tìm hiểu về sống chung như vợ chồng mà không có tổ chức đám cưới. Đến năm 2017 chị và anh C có đến Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Bình Tân đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn chị và anh C sống tại ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến gây gổ nhau. Vợ chồng nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh C sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai.

Trong thời gian chung sống chị và anh C có 01 con chung tên Huỳnh Yến N (sinh ngày 26/8/2017), N đang sống với anh C.

Nay chị Ngô Thị Bé H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn C

Về con chung: Chị Ngô Thị Bé H yêu cầu giải quyết cho anh Huỳnh Văn C nuôi dưỡng Huỳnh Yến N, chị Bé H không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 17/8/2022 anh Huỳnh Văn C trình bày:

Vào năm 2016 anh và chị Ngô Thị Bé H quen biết rồi tiến đến hôn nhân, không có tổ chức đám cưới nhưng vào tháng 7 năm 2017 anh và chị Bé H có đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2018 đến nay vợ chồng không gặp nhau cũng không liên lạc gì với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Do vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Bé H.

Về con chung: Anh và chị Bé H có một con chung là Huỳnh Yến N (sinh ngày 26/8/2017), chị Bé H yêu cầu giao con cho anh nuôi thì anh đồng ý và anh không yêu cầu chị Bé H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do anh bận đi làm thường xuyên nên anh C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh cho đến khi vụ án kết thúc bằng một bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngô Thị Bé H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn C, anh C có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn tuy vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét chị Ngô Thị Bé H và anh Huỳnh Văn C chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị Bé H và anh C là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống quan hệ hôn nhân giữa chị Bé H và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Bé H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bé H là có cơ sở chấp nhận. Bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng theo lời trình bày của chị Ngô Thị Bé H (*tại Đơn khởi kiện và bản khai ngày 17/02/2022*) và lời trình bày của anh Huỳnh Văn C (*tại Bản khai 17/8/2022*) thì trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Bé H và anh C hạnh phúc được khoảng 02 năm, thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi nhau, từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay vợ chồng không gặp nhau cũng không liên lạc gì với nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Với những mâu thuẫn nêu trên thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị Bé H và anh C đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bé H, cho chị Bé H ly hôn với anh Huỳnh Văn C.

[3.2] *Về con chung*: Chị Ngô Thị Bé H và anh Huỳnh Văn C có một con chung là Huỳnh Yên N (sinh ngày 26/8/2017), hiện cháu N đang sống với anh C, chị Bé H yêu cầu giao cháu N cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng được anh C đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Bé H giao cháu N cho anh Huỳnh Văn C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị Ngô Thị Bé H được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh Huỳnh Văn C không yêu cầu chị Ngô Thị Bé H cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Yên N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản*: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Ngô Thị Bé H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị Bé H

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Bé H ly hôn với anh Huỳnh Văn C

1.2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Yến N (sinh ngày 26/8/2017) cho anh Huỳnh Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Chị Ngô Thị Bé H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ngô Thị Bé H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, chị Bé H còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị Bé H nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí chị Bé H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013628 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Dương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

Huỳnh Ngọc Sương